



PHIẾU TỔNG HỢP NỘI DUNG BÀI HỌC
LỚP 5, CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH FAMILY AND FRIENDS

UNIT 12: A CLEVER BOY! - LESSON 2 + 3
(BÀI 12: MỘT CẬU BÉ THÔNG MINH! - BÀI 2 + 3)

I. Lesson objectives (*Mục tiêu bài học*)

- *To review different adjectives to describe people (Ôn tập các tính từ miêu tả người)*
- *To act out a story (diễn lại một câu chuyện)*
- *To review affirmative and negative past simple forms of be (ôn tập câu khẳng định và phủ định thì quá khứ đơn của động từ to be)*
- *To identify and use the affirmative and negative past simple of forms of have (Nhận biết và biết cách dùng câu khẳng định và phủ định thì quá khứ đơn động từ "have")*
- *To talk about a person in the past using was and had (nói về một người trong quá khứ sử dụng was và had)*
- *To use was and had in the context of a song (sử dụng was và had trong ngữ cảnh của một bài hát)*

II. Lesson content (*Nội dung bài học*)

1. Vocabulary (*Từ Vựng*).

- Old: già
- Young: trẻ
- Handsome: đẹp trai
- Pretty: đáng yêu
- Short: thấp
- Tall: cao
- Shy: e thẹn, nhút nhát
- Friendly: thân thiện

2. Structures (*Cấu trúc câu*)

- *I/ He/ She/ It + (was/ wasn't) (Tôi/ Anh ấy/ Cô ấy/ Nó + không)*
- *We/ You/ They (were/ weren't) (Chúng tôi/ Bạn/ Họ + không)*

- I wasn't tall when I was five. (*Lúc tôi 5 tuổi, tôi đã không cao lớn*)
- You weren't shy when you were six (*Lúc bạn 6 tuổi, bạn đã không nhút nhát*)
- He had black hair when he was young. (*Anh ấy có mái tóc đen khi anh ấy còn trẻ*)
- You didn't have a book when you were a baby (*Bạn đã không có một cuốn sách nào khi bạn là một đứa trẻ*)

3. Homelink (Dặn dò về nhà)

- Các con học thuộc và luyện viết từ vựng.
- Luyện nói từ vựng và cấu trúc
- Luyện tập/ thực hành những bài tập còn lại con chưa hoàn thiện trên lớp.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tạo điều kiện của các Thầy/Cô và Quý vị PHHS trong việc đồng hành cùng con vui học